

Số: 44/ QĐ-KHNN-SĐH

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

**GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số: 220/2005/QĐ-TTg ngày 09/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số: 83/2005/QĐ-BNN ngày 22/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số: 10/TT-BGD&ĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số: 95/2010/QĐ-KHNN-SĐH ngày 09/3/2010 của Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trường Ban Đào tạo Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo các chuyên ngành được giao tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ này được áp dụng đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành tại Thông tư 10/TT-BGD&ĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Trưởng các ban: Tổ chức Hành chính và Xây dựng cơ bản, Đào tạo Sau đại học, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Giám đốc VAAS (để chỉ đạo);
- Trang Web VAAS;
- Lưu: VT, SĐH.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bộ



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/ ngày 11 tháng 8 năm 2011 của  
Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)

## I. YÊU CẦU CHUNG

### 1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và kiến thức chuyên sâu, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới và tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học cây trồng, di truyền chọn giống cây trồng, bảo vệ thực vật, khoa học đất & dinh dưỡng cây trồng và chăn nuôi động vật.

### 2. Đối tượng đào tạo và nguồn tuyển sinh

Đối tượng đào tạo là các các kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp đại học hệ chính quy đúng ngành, bằng khá trở lên hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng, phù hợp hoặc chuyên ngành gần, cụ thể như sau:

Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ	Chuyên ngành đúng, phù hợp	Chuyên ngành gần
Trồng trọt	Trồng trọt, khoa học cây trồng, Nông học, chọn tạo giống cây trồng, làm vườn, rau hoa quả	Hệ thống nông nghiệp, Khoa học đất, Bảo vệ thực vật, Di truyền chọn giống cây trồng, Khuyến nông, Công nghệ sinh học, Thực vật học, Lâm học.
Di truyền chọn giống cây trồng	Di truyền chọn giống cây trồng, Di truyền học, Thực vật học	Trồng trọt; Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật; Công nghệ sinh học; Lâm học, Thực vật học, Di truyền học, Sinh học thực nghiệm.
Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Trồng trọt, Khoa học cây trồng, Nông học, Khoa học môi trường, Lâm sinh, Công nghệ sinh học, Vi sinh vật học, Động vật học, Sinh thái học, Thực vật học, Dâu tằm ong, Khoa học đất.
Khoa học đất và dinh dưỡng cây trồng	Khoa học đất, Thổ nhưỡng Nông Hóa, Hóa nông nghiệp và Trồng trọt	Quản lý đất đai, Nông học, Thủy nông cải tạo đất, Trồng trọt, Khoa học cây trồng, Nông học, Khoa học môi trường, Lâm sinh, Công nghệ sinh học, Vi sinh vật học, Sinh thái học, Thực vật học.
Chăn nuôi động vật	Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Động vật học	Thú y, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học

Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Viện quyết định.

### 3. Thời gian đào tạo

- Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ: 3 năm tập trung liên tục
- Đối với nghiên cứu sinh chỉ có bằng Đại học: 4 năm tập trung liên tục



Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục, được Giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam chấp nhận, tổng thời gian học và nghiên cứu bắt buộc là 3-4 năm tùy theo đối tượng, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại đơn vị sinh hoạt chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

### 3. Học phần bổ sung

- Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ phải học bổ sung đủ số lượng tín chỉ thuộc Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Trồng trọt/ Di truyền chọn giống cây trồng/ Bảo vệ thực vật/ Khoa học đất của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam hoặc Chương trình đào tạo Thạc sĩ các ngành tương tự của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Cần Thơ.

- Nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần hoặc đúng chuyên ngành nhưng đã tốt nghiệp quá 7 năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp phải học bổ sung 4 môn học cần thiết ở trình độ cao học theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu. Căn cứ đề xuất của Hội đồng khoa học và Đào tạo, Giám đốc Viện quyết định các môn học bổ sung với từng trường hợp cụ thể.

## II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Chuyên ngành trồng trọt; Mã số 62.62.01.01

#### 2.1.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức bắt buộc	4
2	Kiến thức tự chọn	4
3	Tiểu luận tổng quan	2
4	Chuyên đề tiến sĩ	4
5	Luận án	70
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>84</b>

#### 2.1.2. Các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
<b>A. Bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
1	TT101	Sinh lý sinh thái cây trồng nâng cao	2	2	0
2	TT102	Hệ thống canh tác	2	2	0
<b>B. Tự chọn chọn: Chọn 2 trong 4 môn học</b>			<b>4</b>	<b>3.0-4.0</b>	<b>0-1.0</b>
3	TT103	Biến đổi khí hậu và cây trồng	2	2	0
4	TT104	Nông lâm kết hợp	2	1.5	0.5
5	TT105	Sản xuất NN ứng dụng công nghệ cao	2	1.5	0.5
6	TT106	Công nghệ hạt giống	2	1.5	0.5



## 2.2. Chuyên ngành di truyền chọn giống cây trồng; Mã số : 62.62.05.01

### 2.2.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức bắt buộc	4
2	Kiến thức tự chọn	4
3	Tiểu luận tổng quan	2
4	Chuyên đề tiến sĩ	4
5	Luận án	70
Tổng số tín chỉ		84

### 2.2.2. Các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
<b>A. Bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
1	DTCG 201	Công nghệ sinh học trong chọn giống cây trồng.	2	1.5	0.5
2	DTCG202	Kỹ thuật di truyền.	2	1.5	0.5
<b>B. Tự chọn: Chọn 2 trong 4 môn học</b>			<b>4</b>	<b>3.0</b>	<b>1.0</b>
3	DTCG203	Tài nguyên di truyền thực vật trong chọn giống cây trồng	2	1.5	0.5
4	DTCG204	Di truyền tính kháng và chọn giống chống chịu môi trường bất thuận	2	1.5	0.5
5	DTCG205	Di truyền tính kháng và chọn giống kháng sâu, bệnh	2	1.5	0.5
6	DTCG206	Chọn giống cây trồng năng suất, chất lượng cao	2	1.5	0.5

## 2.3. Chuyên ngành Bảo vệ thực vật; Mã số : 62 62 10 01

### 2.3.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức bắt buộc	4
2	Kiến thức tự chọn	4
3	Tiểu luận tổng quan	2
4	Chuyên đề tiến sĩ	4
5	Luận án	70
Tổng số tín chỉ		84



### 2.3.2. Các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
<b>A. Bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
1	BVTV301	Biến động số lượng của quần thể côn trùng	2	2	0
2	BVTV302	Quan hệ vật gây bệnh với cây trồng	2	2	0
<b>B. Tự chọn: Chọn 2 trong 3 môn học</b>			<b>4</b>	<b>3.0</b>	<b>1.0</b>
3	BVTV303	Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật	2	1.5	0.5
4	BVTV304	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	1.5	0.5
5	BVTV305	Chẩn đoán, giám định dịch hại	2	1.5	0.5

### 2.4. Chuyên ngành đất và dinh dưỡng cây trồng; Mã số : 62.62.15.01

#### 2.4.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức bắt buộc	4
2	Kiến thức tự chọn	4
3	Tiểu luận tổng quan	2
4	Chuyên đề tiến sĩ	4
5	Luận án	70
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>84</b>

#### 2.4.2. Các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
<b>A. Bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
1	ĐDD401	Đất nhiệt đới	2	2	0
2	ĐDD402	Phân bón và dinh dưỡng cây trồng	2	2	0
<b>B. Tự chọn: Chọn 2 trong 4 môn học</b>			<b>4</b>	<b>3.0 -4.0</b>	<b>0.0-1.0</b>
3	ĐDD403	Tài nguyên đất và biến đổi khí hậu	2	2	0
4	ĐDD404	Thoái hoá và phục hồi đất	2	1.5	0.5
5	ĐDD405	Vi sinh vật đất và phân bón	2	1.5	0.5
6	ĐDD406	Quản lý dinh dưỡng cây trồng tổng hợp	2	2	0



## 2.5. Chuyên ngành chăn nuôi động vật

### 2.5.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức bắt buộc	4
2	Kiến thức tự chọn	4
3	Tiểu luận tổng quan	2
4	Chuyên đề tiến sĩ	4
5	Luận án	70
Tổng số tín chỉ		84

### 2.5.2. Các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
<b>A. Bắt buộc</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
1	CNĐV501	Nguyên lý di truyền trong đánh giá chọn giống vật nuôi	0	2	0
2	CNĐV502	Dinh dưỡng axit amin của động vật	0	2	0
<b>B. Tự chọn: Chọn 2 trong 4 môn học</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
3	CNĐV503	Chăn nuôi gia cầm nâng cao	2	2	0
4	CNĐV504	Chăn nuôi gia súc nhai lại nâng cao	2	2	0
5	CNĐV505	Chăn nuôi heo nâng cao	2	2	0
6	CNĐV506	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2	2	0